

**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU HÀNG
HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**

Mã số: 1884/HĐ-SKHCN

Cơ quan chủ quản: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre

Chủ nhiệm đề tài: TS. Ngô Anh Tín

Cơ quan chủ trì: Trung Tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP Cần Thơ

Cần Thơ, năm 2025

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

Mã số: 1884/HĐ-SKH&CN

Chủ nhiệm nhiệm vụ



Ngô Anh Tín

Cơ quan chủ trì



Vũ Minh Hải

Cần Thơ, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
NỘI DUNG	4
1. Mở đầu	4
1.1. Bối cảnh nghiên cứu	4
1.2. Mục tiêu đề tài.....	7
1.3. Phạm vi nghiên cứu.....	8
2. Trích lược những điểm chính của Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng khoa học.....	8
3. Danh mục các sản phẩm KH-CN đạt được	13
4. Phương pháp nghiên cứu.....	14
5. Kết quả chủ yếu đạt được.....	15
6. Khả năng và phạm vi ứng dụng kết quả của nhiệm vụ vào các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và thực tiễn xã hội.....	15
7. Tác động của kết quả nghiên cứu đối với điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.....	15
KẾT LUẬN.....	17
Kết luận.....	17
Đề xuất.....	17

NỘI DUNG

1. Mở đầu

1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Các lý thuyết nghiên cứu trong nước và ngoài nước đều cho thấy, xuất nhập khẩu là động lực quan trọng để tăng trưởng kinh tế, phát triển đời sống xã hội và cải thiện thu nhập của người dân. Tỷ trọng đóng góp của kim ngạch ngoại thương chỉ tỷ trọng ngày càng cao trong sản lượng quốc gia. Chính vì vậy, xác định các mặt hàng chủ lực, có lợi thế so sánh để xúc tiến đầu tư và hướng đến xuất khẩu là hướng đi của nhiều địa phương.

Tại Bến Tre, theo số lượng thống kê cho thấy tổng kim ngạch xuất nhập khẩu có xu hướng tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2011 - 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt gần 7,9 triệu USD (tăng 18,13%), giá trị nhập khẩu đạt 3,2 triệu USD (tăng 18,95%) bình quân mỗi năm. Tính đến cuối năm 2020, Bến Tre đã mở rộng thị trường xuất khẩu sang 128 quốc gia và vùng lãnh thổ, gấp 1,83 lần so với năm 2011. Trong đó thị trường xuất khẩu sang khu vực châu Á vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 60,06% và vẫn giữ tốc độ tăng trưởng khá hàng năm. Hai thị trường Châu Mỹ và Châu Âu tuy chiếm tỷ trọng thấp hơn châu Á (lần lượt 20,56% và 12,5%) nhưng có tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng đạt lần lượt 35,61% và 15,9%, được Bến Tre xác định là thị trường mục tiêu trong các năm tiếp theo.

Theo Báo cáo tổng kết kinh tế xã hội của Ủy ban nhân dân và tổng kết tình hình xuất nhập khẩu của Đảng bộ tỉnh Bến Tre năm 2022 cho thấy, so với các tỉnh thành trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Bến Tre có đóng góp kim ngạch xuất nhập khẩu đứng mức trung bình, thứ 6/13 tỉnh, chiếm khoảng 6-7% tổng kim ngạch khu vực và đạt vị trí thứ 35 trong cả nước.

Tổng kết giai đoạn 2011-2020, có thể khẳng định hoạt động xuất nhập khẩu Bến Tre đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận: Kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng và có thặng dư thương mại; cơ cấu xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tích cực; thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, thị trường xuất khẩu trực tiếp chiếm tỷ trọng cao, thị trường trung gian giảm dần, đảm bảo duy trì được thị trường truyền thống và phát triển các thị trường mới có nhiều tiềm năng; mặt hàng xuất khẩu có sự đa

dạng về chủng loại, hàng qua chế biến tăng dần và giảm xuất khẩu hàng thô...

Tuy nhiên nếu so sánh Bến Tre so với nhiều địa phương khác trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long và trên phạm vi cả nước cho thấy, mức độ tăng trưởng kinh tế và giá trị kim ngạch xuất khẩu mà tỉnh đạt được vẫn còn dưới tiềm năng, chưa khai thác và vượt qua được các điểm nghẽn trong xuất khẩu mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn gặp phải. Tranh thủ lợi thế của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), trong đó tập trung vào Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA), Hiệp định này ưu tiên tập trung với mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là nông sản - là một trong những mặt hàng này có lợi thế rất lớn đối với tỉnh Bến Tre, đặc biệt đối với các mặt hàng chủ lực, đặc thù.

Tỉnh đã đạt mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 đạt 13,5-14,5%, trong đó giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 13,22% và giai đoạn 2026-2030 có mức tăng trưởng bình quân 15%. Tốc độ tăng trưởng của kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 đạt 7-8%, trong đó giai đoạn 2021-2025 có mức tăng bình quân đạt 8- 9% và giai đoạn 2026-2030 có mức tăng trưởng bình quân tăng 6-7%. Phấn đấu đến năm 2030 Bến Tre là tỉnh có kim ngạch xuất khẩu khá cao khu vực vùng ĐBSCL (top 3) và trở thành tỉnh có kim ngạch xuất khẩu ở mức khá của cả nước (top 30).

Để thực hiện được mục tiêu đó, UBND tỉnh đã xác định các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Bến Tre bao gồm các sản phẩm có vùng nguyên liệu lớn như dừa và các sản phẩm từ dừa, trái cây (bưởi da xanh, sầu riêng); sản phẩm chế biến từ thủy sản như tôm, cá, nghêu...; và một số sản phẩm công nghiệp mà Bến Tre có khả năng phát triển. Tuy nhiên đánh giá khả năng phát triển cho thấy, các sản phẩm công nghiệp của tỉnh hiện đang phát triển khá ổn định, nhưng sản lượng một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (thủy sản chế biến, các sản phẩm về dừa) và các sản phẩm Bến Tre có vùng nguyên liệu lớn lại đang phát triển chưa tương xứng. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh như: dừa và các sản phẩm từ dừa; trái cây (bưởi da xanh, sầu riêng); các sản phẩm chế biến từ thủy sản như tôm, nghêu... (UBND tỉnh Bến Tre, 2023).

Đánh giá về tiềm năng quy mô nguyên liệu từ sản phẩm dừa cho thấy, tổng diện tích dừa toàn tỉnh Bến Tre quý I/2023 là 78.015 ha, tăng 1,02% (tương ứng tăng 785

ha) so cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng dừa toàn tỉnh trong quý thu được 180.469 tấn (tương đương 180.469 nghìn quả), tăng 2,36% (tương ứng tăng 4.154 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng dừa chủ yếu là dừa xiêm xanh để uống nước chiếm khoảng 20,34% trong tổng diện tích dừa của tỉnh.

Dừa là mặt hàng có thế mạnh của tỉnh và vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2025. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ dừa đến năm 2025 đạt 560 triệu USD, tăng bình quân 10,05%; trường hợp doanh nghiệp nâng cao mặt hàng xuất khẩu có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao gắn với mở rộng quy mô xuất khẩu nhằm khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết thì kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đạt 1.000 triệu USD vào năm 2025, tăng bình quân 23,58%/năm

Đối với các sản phẩm cây ăn trái khác cho thấy, Bến Tre có nhiều loại quả đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu. Trong đó, bưởi Da xanh là loại quả thuộc nhóm có tiềm năng và có nhiều lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Bưởi Da xanh là một trong năm loại trái cây đặc sản của Bến Tre và giống bưởi Da xanh đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công nhận là giống quốc gia, được thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước ưa chuộng vì có vị ngon đặc trưng. Hiện nay bưởi Da xanh, cùng với dừa xiêm xanh, sầu riêng Cái Môn, tôm càng xanh và cua biển là 05 sản phẩm được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý và được Đảng bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng phát triển xuất khẩu nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Với vùng nguyên liệu dừa và trái cây như bưởi da xanh, sầu riêng, chôm chôm, nhãn...tại Bến tre, một số nhà máy chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như Nhà máy chế biến dừa tươi Kim Thanh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu (TNHH XNK) Trái cây Chánh Thu, Công ty TNHH XNK Nông sản Bảo Thạnh,...sẽ tạo nguồn hàng dồi dào cho xuất khẩu. Hiện tại, trái dừa tươi của tỉnh đã được xuất khẩu sang các nước EU, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật...với kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 118 triệu USD. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA có hiệu lực mặt hàng nông sản của tỉnh sẽ hưởng lợi rất lớn từ lộ trình cắt giảm thuế quan. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sẽ đạt 165 triệu USD, tăng bình quân 6,99%/năm

Đối với Nhóm hàng thủy hải sản chế biến, bao gồm các hàng cá, nghêu, tôm...

trong thời gian qua gặp không ít khó khăn về nguyên liệu, tuy nhiên tỉnh có nhu cầu đã được chứng nhận chứng nhận của Hội đồng biển quốc tế (MSC) và tôm, có nguồn nguyên liệu dồi dào nhưng trong những năm qua chưa xuất khẩu được, do đó cần ưu tiên đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới. Dự kiến đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sẽ đạt 105 triệu USD, tăng bình quân 11,38%; trường hợp đến năm 2025 diện tích nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao đạt 4.000ha với sản lượng 144.000 tấn và có doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và xuất khẩu thì kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này phấn đấu đạt 1.200 triệu USD, tăng bình quân 72,64%/năm.

Hiện nay, qua khảo cứu và thực tiễn, Việt nam bước đầu đã có một vài cách làm đơn lẻ và bước đi nhằm thúc đẩy phát triển xuất nhập khẩu của một số doanh nghiệp trên địa bàn một vài tỉnh, dựa trên các sản phẩm đặc biệt của địa phương đó. Việc đưa ra một mô hình cụ thể và thực tiễn cùng với các nhóm giải pháp hiệu quả phù hợp với thực tiễn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụ thể cho tỉnh Bến Tre, nhằm xúc tiến hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp tỉnh nhà đòi hỏi phải có một nghiên cứu trên nền tảng khoa học, cụ thể nhằm phân tích đánh giá thực trạng tình hình xuất khẩu cùng với các rào cản, điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc và yêu cầu cần thiết hỗ của doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan. Cơ sở phân tích và các phương pháp khoa học giúp nghiên cứu đề xuất được các nhóm giải pháp hiệu quả, chính xác và từng bước áp dụng vào thực tiễn, nâng cao năng lực, thúc đẩy và khuyến khích doanh nghiệp địa phương gia tăng xuất khẩu thông qua việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

1.2. Mục tiêu đề tài

Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu, đề xuất hệ thống các giải pháp và các bước triển khai nhằm thúc đẩy gia tăng doanh thu và thị phần xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Mục tiêu cụ thể:

Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động xuất khẩu tỉnh Bến Tre;

Hệ thống các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Chuỗi liên kết với bên ngoài;

Đánh giá hiệu quả kinh tế.

1.3. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu hoạt động xuất khẩu và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở tỉnh Bến Tre.

2. Trích lược những điểm chính của Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng khoa học

Các nội dung công việc

TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt
1	Nội dung 1: Nghiên cứu tổng quan, xây dựng hoàn chỉnh thuyết minh đề tài	Báo cáo thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được duyệt.
2	Nội dung 2: Nghiên cứu thực tiễn hoạt động thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Việt Nam và thế giới	Báo cáo thực trạng hoạt động thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Việt Nam và thế giới.
2.1	Công việc 1: Phân tích vai trò hoạt động xuất khẩu hàng hóa	Báo cáo vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa
2.2	Công việc 2: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu	Báo cáo các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu
2.3	Công việc 3: Phân tích các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	Báo cáo các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long
2.4	Công việc 4: Phân tích các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Việt Nam	Báo cáo các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ở Việt Nam
2.5	Công việc 5: Phân tích các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên thế giới.	Báo cáo các hoạt động thực tiễn về thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên thế giới.
3	Nội dung 3: Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng hóa tại tỉnh Bến Tre	Đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng hóa tại tỉnh Bến Tre
3.1	Công việc 1: Hệ thống chỉ tiêu, chính sách xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Báo cáo hệ thống chỉ tiêu, chính sách xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre

3.2	Công việc 2: Phân tích và xử lý số liệu khảo sát thực tế hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Dữ liệu khảo sát hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên
3.3	Công việc 3: Phân tích và xử lý số liệu phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm về hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre	Dữ liệu phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm về hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre
3.4	Công việc 4: Xây dựng báo cáo đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Báo cáo đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre
3.5	Công việc 5: Xây dựng báo cáo khảo sát các tác nhân tham gia chuỗi liên kết, thu thập thông tin cụ thể của từng tác nhân trong chuỗi để xây hệ thống thông tin cụ thể cho chuỗi nông sản hàng hóa như dừa, bưởi,....	Báo cáo khảo sát các tác nhân tham gia chuỗi liên kết
3.6	Công việc 6: Phân tích quy trình hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	Quy trình hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
3.7	Công việc 7: Phân tích các thuận lợi, điểm nghẽn hoặc nguy cơ, khó khăn trở ngại ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	Báo cáo các thuận lợi, khó khăn trở ngại ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre
3.8	Công việc 8: Hệ thống các điểm nghẽn và dự kiến các nhóm giải pháp theo từng trụ cột.	Hệ thống các điểm nghẽn và dự kiến các nhóm giải pháp theo từng trụ cột
3.9	Tổ chức tọa đàm: Đánh giá thực trạng và các điểm nghẽn trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre	Báo cáo tọa đàm đánh giá thực trạng và các điểm nghẽn trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre
3.10	Tổ chức bồi dưỡng: Hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Báo cáo tổ chức bồi dưỡng hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu
4	Nội dung 4: Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động và hiệu quả xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Báo cáo dữ liệu về Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động và hiệu quả xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre
4.1	Công việc 1: Phân tích chi tiết các yếu tố tác động đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa cấp độ doanh nghiệp địa bàn tỉnh Bến Tre	Báo cáo các yếu tố tác động đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa cấp độ doanh nghiệp địa bàn tỉnh Bến Tre

4.2	Công việc 2: Phân tích và đánh giá hoạt động XTTM, phát triển thị trường và tìm đầu ra mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	Dữ liệu phân tích và đánh giá hoạt động XTTM, phát triển thị trường và tìm đầu ra mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
4.3	Công việc 3: Phân tích và đánh giá hoạt động xây dựng thương hiệu, hệ thống chất lượng, chứng nhận cho tìm đầu ra mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	Báo cáo phân tích và đánh giá hoạt động xây dựng thương hiệu, hệ thống chất lượng, chứng nhận cho tìm đầu ra mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
4.4	Công việc 4: Phân tích và đánh giá tác động của việc hợp tác, cộng tác đến hiệu quả xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre.	Báo cáo phân tích và đánh giá tác động của việc hợp tác, cộng tác đến hiệu quả xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre
4.5	Công việc 5: Phân tích và đánh giá tác động của việc tiếp nhận, đào tạo và huấn luyện cho SMEs	Báo cáo phân tích và đánh giá tác động của việc tiếp nhận, đào tạo và huấn luyện cho SMEs
4.6	Công việc 6: Phân tích và đánh giá tác động của tài chính đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre	Báo cáo phân tích và đánh giá tác động của tài chính đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre
4.7	Tổ chức tọa đàm: Các yếu tố tác động đến hiệu quả xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Báo cáo tọa đàm các yếu tố tác động đến hiệu quả xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre
4.8	Tổ chức bồi dưỡng: Tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường và tìm đầu ra mặt hàng nông sản	Báo cáo tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường và tìm đầu ra mặt hàng nông sản
5	Nội dung 5: Xây dựng mô hình chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Báo cáo thực trạng và bài học kinh nghiệm phát triển chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre, và đề xuất các giải pháp liên quan tới tăng cường liên kết chuỗi xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre.
5.1	Công việc 1: Phân tích thực trạng chuỗi xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre và các mô hình chuỗi liên kết tương đồng đối với các mặt hàng: dừa, trái cây (bưởi và sầu riêng) và thủy hải sản (tôm, nghêu).	Báo cáo thực trạng chuỗi xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre và các mô hình chuỗi liên kết tương đồng

5.2	Công việc 2: Phân tích nguồn lực và mức độ sẵn sàng của các bên tham gia chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Báo cáo nguồn lực và mức độ sẵn sàng của các bên tham gia chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre
5.3	Công việc 3: Phân tích vai trò của chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa trong việc gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu tỉnh Bến Tre	Báo cáo vai trò của chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa trong việc gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu tỉnh Bến Tre
5.4	Công việc 4: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định và khả năng tham gia chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Báo cáo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định và khả năng tham gia chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre
5.5	Công việc 5: Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn để phát triển chuỗi liên kết xuất khẩu các mặt hàng.	Báo cáo các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn để phát triển chuỗi liên kết xuất khẩu các mặt hàng.
5.6	Tổ chức Hội thảo khoa học: Vai trò của chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa trong việc gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu tỉnh Bến Tre	Báo cáo hội thảo khoa học: Vai trò của chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa trong việc gia tăng giá trị hàng hóa xuất khẩu tỉnh Bến Tre
5.7	Tổ chức bồi dưỡng: Tập huấn về xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp	Báo cáo bồi dưỡng: Tập huấn về xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp
6	Nội dung 6: Phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre	Báo cáo phân tích, đánh giá tác động của hoạt động xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre
6.1	Công việc 1: +Phân tích sự đóng góp của hoạt động xuất khẩu tới tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Bến Tre. +Phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa với vấn đề giải quyết việc làm của tỉnh Bến Tre. +Phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa với vấn đề tài nguyên môi trường của tỉnh Bến Tre.	Báo cáo tác động của hoạt động xuất khẩu tới tốc độ tăng trưởng GDP, việc làm và tài nguyên môi trường của tỉnh Bến Tre.
6.2	Công việc 2: Phân tích tác động của xuất khẩu hàng hoá với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Bến Tre.	Báo cáo tác động của xuất khẩu hàng hoá với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Bến Tre.

		nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Bến Tre.
6.3	Công việc 3: Phân tích mức độ ổn định của xuất khẩu ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế.	Báo cáo mức độ ổn định của xuất khẩu ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế.
7	Nội dung 7: Đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Báo cáo đề xuất hệ thống các giải pháp và kiến nghị thực hiện các bước thực hiện nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
7.1	Công việc 1: Đề xuất các giải pháp cụ thể về chính sách xuất khẩu, thu hút đầu tư của cơ quan quản lý	Các giải pháp cụ thể về chính sách xuất khẩu, thu hút đầu tư của cơ quan quản lý
7.2	Công việc 2: Đề xuất các giải pháp về chuỗi liên kết.	Các giải pháp về chuỗi liên kết.
7.3	Công việc 3: Đề xuất các giải pháp về thị trường.	Các giải pháp về thị trường.
7.4	Công việc 4: Đề xuất các giải pháp về tài chính.	Các giải pháp về tài chính.
7.5	Công việc 5: Đề xuất các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, phát triển hạ tầng xuất khẩu	Các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn, phát triển hạ tầng xuất khẩu
7.6	Tổ chức hội thảo khoa học: Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Báo cáo kết quả tổ chức hội thảo khoa học: Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre
7.7	Tổ chức bồi dưỡng: Tập huấn kỹ năng kinh doanh trên các Sàn thương mại điện tử	Báo cáo kết quả tổ chức bồi dưỡng: Tập huấn kỹ năng kinh doanh trên các Sàn thương mại điện tử
8	Nội dung 8. Chuyển giao giải pháp và báo cáo tổng kết.	Tổng kết nghiên cứu và Xây dựng dự thảo báo cáo. Công bố, chuyển giao kết quả nghiên cứu.
9	Nội dung 9: Xây dựng báo cáo tổng kết	Báo cáo tổng kết và được hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh đồng ý thông qua

Các sản phẩm của đề tài:

Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.			
Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt (Theo mục tiêu của đề tài được Hội đồng thẩm định thông qua)		Ghi chú
Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu tỉnh Bến Tre	Đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, toàn diện theo địa phương.		
Hệ thống các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Đảm bảo tính hệ thống, khả thi, theo lộ trình cụ thể.		
Hoàn thiện mô hình chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	Đảm bảo tính gắn kết, hợp tác, cùng có lợi; hoàn thiện được chuỗi liên kết tối ưu cho xuất khẩu.		
Báo cáo phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre	Đảm bảo các chỉ số tăng trưởng về quy mô, chất lượng và định hướng bền vững cho tỉnh Bến Tre.		
Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác			
Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố	Ghi chú
02 bài báo khoa học	Đáp ứng yêu cầu của một công trình khoa học có phản biện	Tạp chí khoa học quốc tế; trong nước thuộc danh mục HĐGSNN.	
Đào tạo sau đại học (thạc sĩ)	Hỗ trợ công tác đào tạo	Ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Tài chính ngân hàng	

3. Danh mục các sản phẩm KHCN đạt được

TT	Tên sản phẩm	Số lượng/khối lượng			Chất lượng		
		Theo hợp đồng và thuyết minh	Kết quả đạt được	Đánh giá (hoàn thành/không hoàn thành)	Theo hợp đồng và thuyết minh	Kết quả đạt được	Đánh giá (hoàn thành/không hoàn thành)

1	Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu tỉnh Bến Tre	01	01	Hoàn thành	Đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, toàn diện theo địa phương.	Đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, toàn diện theo địa phương.	Hoàn thành
2	Hệ thống các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre	01	01	Hoàn thành	Đảm bảo tính hệ thống, khả thi, theo lộ trình cụ thể.	Đảm bảo tính hệ thống, khả thi, theo lộ trình cụ thể.	Hoàn thành
3	Hoàn thiện mô hình chuỗi liên kết xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre	01	01	Hoàn thành	Đảm bảo tính gắn kết, hợp tác, cùng có lợi; hoàn thiện được chuỗi liên kết tối ưu cho xuất khẩu.	Đảm bảo tính gắn kết, hợp tác, cùng có lợi; hoàn thiện được chuỗi liên kết tối ưu cho xuất khẩu.	Hoàn thành
4	Báo cáo phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa đến tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre	01	01	Hoàn thành	Đảm bảo các chỉ số tăng trưởng về quy mô, chất lượng và định hướng bền vững cho tỉnh Bến Tre.	Đảm bảo các chỉ số tăng trưởng về quy mô, chất lượng và định hướng bền vững cho tỉnh Bến Tre	
5	Bài báo khoa học	02	02	Hoàn thành	Tạp chí khoa học quốc tế; trong nước thuộc danh mục HĐGSNN	01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (Scopus); 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục HĐGSNN (0.75 điểm)	Hoàn thành
6	Đào tạo sau đại học (thạc sĩ) (Hỗ trợ)	02	02	Hoàn thành	Ngành Quản trị kinh doanh, Ngành Tài chính ngân hàng	Ngành Quản trị kinh doanh.	Hoàn thành

4. Phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: Nghiên cứu thực trạng cụ thể, xây dựng các vấn đề thành luận cứ khoa học và đề ra các giải pháp phù hợp cho việc giải quyết các khó khăn, trở ngại

trong phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre, từ đó đưa ra các đề xuất giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy gia tăng doanh thu và thị phần xuất khẩu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre

Các phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp tổng quan lý thuyết và mô hình kinh tế hiện hữu

Phương pháp thống kê

Phương pháp phân tích định tính

Phương pháp phân tích định lượng

Phân tích ma trận SWOT

5. Kết quả chủ yếu đạt được

5.1. 24 Báo cáo chuyên đề theo các nội dung, công việc

5.2. 04 sản phẩm chuyển giao

5.3. Hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu: 01 tọa đàm, 03 tập huấn, 01 hội thảo khoa học.

6. Khả năng và phạm vi ứng dụng kết quả của nhiệm vụ vào các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và thực tiễn xã hội

- Đề tài có khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện các giải pháp nhằm gia tăng hiệu quả xuất khẩu cho các doanh nghiệp, nông dân và cán bộ quản lý.

- Xây dựng chuỗi giá trị xuất khẩu: Doanh nghiệp và các bên liên quan sẽ cùng tham gia xây dựng chuỗi giá trị xuất khẩu hiện tại và đề xuất các giải pháp khả thi.

- Áp dụng công nghệ số trong xuất khẩu: Giới thiệu các công cụ số như thương mại điện tử, marketing số, hệ thống quản lý chuỗi cung ứng và các công cụ phân tích thị trường quốc tế.

7. Tác động của kết quả nghiên cứu đối với điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất khẩu tại tỉnh Bến Tre trong việc đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách: Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc đề ra các chủ trương, chính sách tổng thể, định hướng phát triển ngắn hạn và trung hạn cho các lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa tỉnh Bến Tre. Các kết quả

chuyên môn theo từng nội dung nghiên cứu góp phần giải quyết các vấn đề khó khăn, thách thức trong lĩnh vực xuất khẩu; khai thác hợp lý, hiệu quả các tiềm năng sẵn có cho các mục tiêu phát triển. Đề tài được triển khai thực hiện sẽ là sự tiên phong trong việc nghiên cứu thực tiễn - chuyển giao khoa học - triển khai chính sách phục vụ phát triển xuất khẩu tỉnh Bến Tre.

Kết quả nghiên cứu của đề tài, thông qua các hoạt động chuyển giao như tọa đàm, tập huấn và hội thảo, không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn trang bị kiến thức và kỹ năng thực tiễn cho các doanh nghiệp xuất khẩu và hộ nông dân sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Những hoạt động này góp phần biến các giải pháp lý thuyết thành hành động thực tiễn, giúp các bên liên quan tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị xuất khẩu. Qua đó, xuất khẩu hàng hóa được thúc đẩy, giá trị sản phẩm gia tăng, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững cho kinh tế địa phương

KẾT LUẬN

Kết luận

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa tại tỉnh Bến Tre đã và đang đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế địa phương, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao đời sống cho người dân. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, tỉnh vẫn gặp phải nhiều điểm nghẽn và thách thức, từ hạ tầng logistics chưa đồng bộ, chính sách hỗ trợ chưa đủ mạnh, đến việc thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, đề tài dựa vào mô hình chuỗi giá trị, đặc biệt là từ các nghiên cứu của Fernandez-Stark và Gereffi, đã đề xuất một khung phân tích hữu ích để hiểu rõ hơn về các hoạt động trong chuỗi cung ứng và xuất khẩu nông sản, bao gồm: chất lượng sản phẩm, thương hiệu và thị trường, hợp tác và liên kết, đào tạo và huấn luyện, và chính sách hỗ trợ tài chính, pháp lý quốc tế là rất cần thiết để xây dựng một chuỗi xuất khẩu hiệu quả. Mô hình này không chỉ giúp xác định các yếu tố then chốt trong hoạt động xuất khẩu mà còn tạo ra một khung pháp lý và thực tiễn để các doanh nghiệp có thể phát triển bền vững.

Những vấn đề này cần được giải quyết một cách đồng bộ và hiệu quả để không chỉ nâng cao giá trị xuất khẩu mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế địa phương. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc tháo gỡ các điểm nghẽn trong hoạt động xuất khẩu không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước mà còn cần sự tham gia tích cực từ phía doanh nghiệp, các SMEs và cộng đồng, người nông dân. Các giải pháp đề xuất trong nghiên cứu này không chỉ mang tính khả thi mà còn cần được áp dụng rộng rãi, tạo ra những tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của tỉnh Bến Tre trong thời gian tới.

Đề xuất

Để hiện thực hóa các giải pháp đã đề xuất và phát triển hạ tầng xuất khẩu một cách hiệu quả, cần thực hiện một số kiến nghị sau:

1. Tăng cường đầu tư vào hạ tầng logistics: Cần có sự đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống giao thông, kho bãi và các cơ sở hạ tầng khác phục vụ cho hoạt động xuất khẩu. Việc cải thiện hạ tầng sẽ giúp giảm chi phí vận chuyển, rút ngắn thời gian giao hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của tỉnh. Đặc biệt, cần

chú trọng đến việc xây dựng các cảng biển và hệ thống đường bộ kết nối với các khu vực sản xuất nông sản.

2. Thúc đẩy hợp tác công tư (PPP): Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào việc phát triển hạ tầng xuất khẩu thông qua các mô hình hợp tác công tư. Điều này không chỉ giúp tăng cường nguồn lực tài chính mà còn tạo ra sự linh hoạt trong việc triển khai các dự án hạ tầng. Các dự án PPP có thể tập trung vào việc xây dựng các kho lạnh, nhà máy chế biến và các trung tâm phân phối.

3. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Cần tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho nhân viên trong lĩnh vực xuất khẩu, logistics và marketing. Việc nâng cao trình độ chuyên môn sẽ giúp doanh nghiệp có đủ năng lực để cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các chương trình đào tạo nên bao gồm các kỹ năng về quản lý chuỗi cung ứng, phân tích dữ liệu, quy định về xuất khẩu và marketing số.

4. Xây dựng chính sách hỗ trợ xuất khẩu: Các cơ quan chính phủ nên xem xét ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs). Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường và gia tăng giá trị xuất khẩu. Chính sách cần tập trung vào việc hỗ trợ các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

5. Tăng cường quảng bá và tiếp thị sản phẩm: Cần đẩy mạnh các hoạt động quảng bá sản phẩm xuất khẩu của tỉnh Bến Tre tại các thị trường quốc tế thông qua các hội chợ, triển lãm, và các kênh truyền thông hiện đại. Việc xây dựng thương hiệu mạnh cho sản phẩm sẽ giúp nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp cần được hỗ trợ trong việc xây dựng chiến lược thương hiệu và marketing hiệu quả.

6. Thực hiện các nghiên cứu thị trường định kỳ: Cần có các nghiên cứu định kỳ về tình hình thị trường quốc tế để điều chỉnh chiến lược xuất khẩu phù hợp với xu hướng và nhu cầu thay đổi của thị trường. Việc nắm bắt thông tin kịp thời sẽ giúp doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong hoạt động xuất khẩu. Các nghiên cứu này nên được thực hiện bởi các tổ chức nghiên cứu độc lập hoặc các trường đại học, viện nghiên cứu

7. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong sản xuất: Các doanh nghiệp cần được khuyến khích áp dụng công nghệ mới và cải tiến quy trình nuôi trồng, sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, thêm các sản phẩm, hữu cơ, sản phẩm xanh. Việc đổi mới sáng tạo không chỉ giúp tăng cường năng lực cạnh tranh mà còn tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Các chương trình hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (R&D) cần được triển khai để khuyến khích sự đổi mới trong ngành nuôi trồng và chế biến nông sản.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế: Cần mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế để tìm kiếm cơ hội xuất khẩu mới. Việc tham gia và khai thác, tận dụng các hiệp định thương mại tự do sẽ giúp hàng hóa của tỉnh Bến Tre tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường lớn và tạo điều kiện để các nhà đầu tư quốc tế đến địa phương, Các doanh nghiệp cần được hỗ trợ trong việc tìm kiếm đối tác và xây dựng mạng lưới phân phối quốc tế.

9. Vận dụng linh hoạt mô hình chuỗi giá trị bốn trụ cột (mô hình Fernandez-Stark và Gereffi): Cần áp dụng mô hình chuỗi giá trị cho nông sản để phân tích và tối ưu hóa quy trình xuất khẩu hàng hóa. Mô hình này giúp xác định các giai đoạn trong chuỗi cung ứng, từ sản xuất đến tiêu thụ, và tìm ra các điểm cần cải thiện. Việc áp dụng mô hình này sẽ giúp các doanh nghiệp nắm bắt được các cơ hội gia tăng giá trị và tối ưu hóa chi phí trong quá trình xuất khẩu.

10. Các chính sách và giải pháp giai đoạn mới từ năm 2025.

Trong giai đoạn 2024-2025, xuất khẩu nông sản Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng kể dưới tác động của chính sách thương mại Mỹ. Chính sách mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump vừa bước vào nhiệm kỳ chính thức 1/2025 chắc chắn sẽ có tác động đến quá trình xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ, sẽ có những khó khăn, thách thức hơn (Nhân dân điện tử, 2025). Mỹ hiện là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn nhất, nhì của Việt Nam. Năm 2024, giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang Mỹ đạt 13,8 tỷ USD, chiếm 21,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Ngành nông nghiệp đối mặt với thách thức lớn khi ngoi af các chính sách mới của Tổng thống đắc cử, Mỹ tăng cường kiểm tra nguồn gốc xuất xứ và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt thông qua Đạo luật FDA Food

Safety Modernization Act (FSMA) 2025. Đặc biệt, một số mặt hàng chủ lực như tôm và cá tra chịu thuế chống bán phá giá cao theo Quyết định của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) tháng 2/2025. Đối mặt với tình hình này, Việt Nam đã triển khai nhiều giải pháp tích cực, trong đó nổi bật là việc ban hành Nghị định 92/2025/NĐ-CP về quản lý chất lượng xuất khẩu nông sản và Thông tư 15/2025/TT-BNNPTNT về truy xuất nguồn gốc. Cụ thể như Việt Nam và Mỹ đã đạt được thỏa thuận quan trọng vào ngày 20/1/2025, chấm dứt tranh chấp kéo dài về thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm cá tra, basa phile của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ. Chính phủ cũng đã nhận định, khả năng chiến tranh thương mại giữa các quốc gia có thể xảy ra, do đó, các bộ ngành và các doanh nghiệp phải chuẩn bị hệ thống giải pháp để ứng phó. Đối với các sản phẩm nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương thúc đẩy mở cửa thị trường mới đồng thời duy trì tốt những thị trường truyền thống. Các giải pháp đa dạng hóa thị trường được thực hiện thông qua việc tận dụng hiệp định EVFTA và đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường ASEAN, Đông Á. Mặt khác, Việt Nam và Mỹ đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, do đó, dù có tác động bởi chính sách thuế mới của Mỹ nhưng chắc chắn quá trình xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang Mỹ vẫn sẽ được thúc đẩy với nhiều cơ hội. Để đạt được mục tiêu này, cần chuẩn bị vùng trồng, vùng nuôi một cách kỹ lưỡng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc để có vùng nguyên liệu minh bạch, rõ ràng. Mỗi thị trường đều có tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng nhưng nếu sản xuất đáp ứng tốt các yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thì chắc chắn sẽ luôn tìm thấy cơ hội (Nhân dân điện tử, 2025). Các quy định mới của Mỹ về an toàn thực phẩm, về thuế quan, về bảo hộ tạo áp lực buộc ngành nông nghiệp Việt Nam phải chuyển đổi theo hướng chuyên nghiệp và bền vững hơn, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông nghiệp thông qua Đề án Chuyển đổi số Nông nghiệp Quốc gia 2025-2030.

Việc thực hiện đồng bộ các kiến nghị này sẽ không chỉ giúp tháo gỡ các điểm nghẽn trong hoạt động xuất khẩu mà còn hỗ trợ Bến Tre phát triển bền vững trong tương lai, tạo cơ sở để Bến Tre vươn lên thành tỉnh dẫn đầu khu vực về xuất khẩu, đạt được các chỉ tiêu kinh tế mà lãnh đạo và nhân dân địa phương đặt ra